



Vĩnh Long, ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán, hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long,
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long ngày 25/03/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long cho phù hợp với Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán. Chi tiết Quy chế sau khi sửa đổi, bổ sung được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người công bố thông tin, Giám đốc các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận :

- Như điều 2;
- Lưu: VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN SANG

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/NQ.HĐQT ngày 25/03/2021 của Hội đồng quản trị)

THÁNG 03 NĂM 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Căn cứ pháp lý:	3
Điều 2. Mục đích và đối tượng áp dụng	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt.....	3
Điều 4. Phương tiện và cách thức công bố thông tin.....	3
Điều 5. Nguyên tắc và ngôn ngữ CBTT	4
CHƯƠNG II: NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT	4
Điều 6. Người thực hiện CBTT	4
Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của Người thực hiện CBTT	4
Điều 8. Tạm hoãn CBTT	4
CHƯƠNG III: THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
Điều 9. Các bước thực hiện	5
Điều 10. Các hình thức công bố thông tin	5
Điều 11. Xử lý vi phạm.....	9
Điều 12. Tổ chức thực hiện.....	9

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17/06/2020, hiệu lực ngày 01/01/2021;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2019, hiệu lực ngày 01/01/2021;
3. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán, hiệu lực ngày 01/01/2021;
4. Quy chế CBTT của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM hiện hành,

Điều 2. Mục đích và đối tượng áp dụng

1. Nhằm đảm bảo việc thực hiện CBTT đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.
2. Quy chế này áp dụng đối với Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc CBTT trên thị trường chứng khoán Việt Nam của công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. Công ty: viết tắt của từ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
2. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
3. HĐQT: Hội đồng quản trị.
4. BKS: Ban kiểm soát.
5. CBTT: Công bố thông tin.
6. VSD: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
7. TVCK: Công ty tư vấn chứng khoán.
8. IDS Pro : Hệ thống CBTT của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
9. UBCKNN: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
10. SGĐCK HCM: Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.
11. BCTC: Báo cáo tài chính.
12. Người có liên quan: tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
13. Người nội bộ của công ty: cá nhân theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.
14. Thông tư số 96/2020/TT-BTC: ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán, hiệu lực ngày 01/01/2021

Điều 4. Phương tiện và cách thức công bố thông tin

1. Việc CBTT được thực hiện đồng thời thông qua các phương tiện công bố sau:
 - 1.1. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty, mục Thông tin cổ đông;
Trang thông tin điện tử thường xuyên cập nhật các thông tin phải công bố theo quy định. Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGĐCK HCM các thay đổi liên quan đến trang thông tin điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.
 - 1.2. Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - 1.3. Hệ thống quản lý tài liệu điện tử (ECM) của SGĐCK HCM ,
 - 1.4. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp, các phương tiện thông tin bao gồm trang thông tin điện tử của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, đăng báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc v.v...
2. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGĐCK

HCM thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK HCM.

3. Công ty không phải gửi bản giấy đề báo cáo UBCKNN, SGDCK HCM trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố đúng quy định.
4. Trường hợp cần gửi bản giấy theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK HCM thì Công ty sẽ gửi qua đường bưu điện.

Điều 5. Nguyên tắc và ngôn ngữ CBTT

1. Nguyên tắc CBTT được thực hiện theo Điều 4 của Thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán.
2. Người thực hiện CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
 - 2.1. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
 - 2.2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
 - 2.3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

CHƯƠNG II: NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Điều 6. Người thực hiện CBTT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT (Người thực hiện công bố thông tin) có đầy đủ thẩm quyền và chịu trách nhiệm CBTT chính thức của Công ty đối với UBCKNN, SGDCK HCM, các cơ quan chức năng và cơ quan báo chí theo quy định của Pháp luật và Quy chế này. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp thay đổi người thực hiện công bố thông tin, Công ty phải báo cáo lại cho UBCKNN, SGDCK HCM trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thay đổi.

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của Người thực hiện CBTT

1. Đại diện cho Công ty trong công tác CBTT.
2. Yêu cầu các bộ phận có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn.
3. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng Quản trị về những hoạt động liên quan đến CBTT, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.
4. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra thông tin lập các báo cáo theo đúng quy định.
5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc CBTT của Công ty.
6. Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về các thông tin công bố.
7. Bảo quản, lưu trữ thông tin đã công bố như điều 5 của Quy chế này.

Điều 8. Tạm hoãn CBTT

1. Trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác, Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK HCM về việc tạm hoãn và thực hiện việc CBTT trong thời gian sớm nhất ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.
2. Việc tạm hoãn CBTT phải được công bố trên phương tiện CBTT của UBCKNN, SGDCK HCM và Công ty, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.
3. Công ty gửi văn bản đề nghị UBCKNN, SGDCK HCM xem xét và chấp thuận việc bảo lưu chưa CBTT ra công chúng trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Thông tin có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng và lợi ích quốc gia;
 - 3.2. Thông tin có thể làm lộ bí mật kinh doanh, làm tổn hại đến lợi ích của Công ty;
 - 3.3. Thông tin có thể gây hiểu lầm, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

CHƯƠNG III: THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Các bước thực hiện

1. Bước 1: Cá nhân, phòng ban, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cần CBTT cho Người thực hiện CBTT theo phạm vi trách nhiệm phải CBTT.
2. Bước 2: Người thực hiện CBTT kiểm tra các tài liệu trước khi CBTT.
3. Bước 3: Trên cơ sở tài liệu CBTT được cung cấp, Người thực hiện CBTT ra quyết định CBTT.
4. Bước 4: Người thực hiện CBTT phối hợp với các cơ quan chức năng theo quy định để tiến hành công bố thông tin.
 - 4.1. Tùy thuộc vào nơi phải CBTT, người thực hiện CBTT sẽ tiến hành các thủ tục theo quy định.
 - a. Đối với SGDCK HCM và UBCKNN:
 - (i) Người CBTT gửi văn bản CBTT theo quy định đến UBCKNN và SGDCK HCM hoặc đăng tải trên các báo, bản tin thị trường chứng khoán đúng thời hạn. Nội dung thông tin phải cung cấp và được phép cung cấp đối với từng hình thức công bố (định kỳ, bất thường, theo yêu cầu) được quy định tại Quy chế này;
 - (ii) Văn bản CBTT nếu đồng thời được gửi đến nhiều nơi thì phải được gửi đến UBCKNN, SGDCK HCM trước khi công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.
 - b. Đối với các phương tiện thông tin đại chúng:
 - (i) Đối với bài phỏng vấn có liên quan đến HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan khác trong Công ty: Yêu cầu đơn vị phỏng vấn gửi câu hỏi, Công ty trả lời bằng văn bản, có xác nhận của Người thực hiện CBTT và dấu của Công ty;
 - (ii) Đối với tin bài phản ánh do Công ty cung cấp thông tin cho đơn vị phỏng vấn, đề nghị đơn vị phỏng vấn trước khi đăng bài phải trao đổi trước với Người thực hiện CBTT và được Người thực hiện CBTT xác nhận trước khi công bố;
 - (iii) Đối với tin bài của đơn vị phỏng vấn viết về Công ty mà không do Công ty cung cấp thông tin hoặc đối với các thông tin đăng sai lệch; Người thực hiện CBTT có trách nhiệm báo cáo, đề xuất, thảo vấn bản yêu cầu đơn vị có liên quan cải chính thông tin. Công ty không chịu trách nhiệm về tính chính xác cũng như về ảnh hưởng của thông tin đối với nhà đầu tư và thị trường chứng khoán trong trường hợp này.
5. Bước 5: Hậu kiểm công bố thông tin
Sau khi thông tin đã được công bố, Người thực hiện CBTT phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu lại các số liệu, cũng như nội dung đã được công bố. Nếu phát hiện thấy dấu hiệu sai sót, không đúng với nội dung đã cung cấp, Người thực hiện CBTT có ý kiến yêu cầu nơi CBTT phải đính chính lại các thông tin đó.
6. Bước 6: Báo cáo cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty (trường hợp được ủy quyền CBTT) nội dung đã CBTT và lưu giữ, bảo quản các tài liệu đã CBTT theo quy định.
Sau khi tiến hành công bố thông tin. Cá nhân, phòng ban, các đơn vị có liên quan phải tiến hành lưu giữ, bảo quản những tài liệu đã công bố, làm cơ sở để đối chiếu và kiểm tra sau này.

Điều 10. Các hình thức công bố thông tin

1. CBTT định kỳ

- 1.1. Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
 - a. Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính (BCTC năm của công ty mẹ và BCTC năm hợp nhất) theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - b. Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Trường hợp đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần, thì Công ty phải công bố BCTC kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

- 1.2. Công phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:
 - a. BCTC bán niên phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC;
 - b. BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC. Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
 - c. Công ty phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
- 1.3. Công ty phải công bố BCTC quý như sau:
 - a. BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC;
 - b. Công ty phải công bố BCTC quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- 1.4. Khi CBTT các BCTC nêu tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Quy chế này phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
- 1.5. Công ty phải lập và công bố Báo cáo Thường niên theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Thời hạn công bố Báo cáo Thường niên là trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
- 1.6. CBTT về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
 - a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK HCM về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp, danh sách và thông tin của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website công ty và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - b. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho đến khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo điều lệ Công ty và theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
 - c. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm 2.1.c khoản 2 Điều 10 Quy chế này.
- 1.7. Công ty phải lập và CBTT về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

2. CBTT bất thường

- 2.1. Công ty phải CBTT bất thường trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
- d. Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f. Quyết định về việc tổ chức lại công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản công ty; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi do thay đổi quy định pháp luật); thông báo tổ chức kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi tổ chức kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty;
- j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:
 - i. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - ii. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - iii. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;
- k. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời gửi cho UBCK, SGĐCK HCM Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;
- l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;

- m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;
 - n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
 - o. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - p. Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
 - q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
 - r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài
 - s. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
 - t. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét.
 - u. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
- 2.2. CBTT về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- a. Việc CBTT về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại điểm a, mục 1.6 Khoản 1 Điều 10 của Quy chế này;
 - b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gọi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
- 2.3. Khi CBTT theo quy định tại mục 2.1 Khoản này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
- 2.4. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:
- a. Công ty phải CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;
 - b. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất 08 ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 2.5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại mục 1.1, 1.2, 1.3 khoản 1 Điều 10 của Quy chế này.
- 2.6. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.
- 3. CBTT theo yêu cầu**
- 3.1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK HCM khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 3.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK HCM yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải

pháp khắc phục (nếu có).

4. CBTT về các hoạt động khác

- 4.1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Trường hợp Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch, thì Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

- 4.2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- 4.3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 11. Xử lý vi phạm

Cá nhân, phòng ban các đơn vị có liên quan nếu có hành vi, vi phạm các quy định CBTT trong Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế này các cá nhân, phòng ban, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
 2. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế CBTT này do Hội đồng quản trị quyết định.
 3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 03 năm 2021.
-